

Số: 493 /TCDL-LH

V/v: Công nhận chứng chỉ ngoại ngữ trong
việc xét cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2011

Kính gửi: Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện các qui định tại Điểm a, khoản 2, mục III Thông tư 89/2008/TT-BVHTTDL về chứng nhận đạt trình độ ngoại ngữ, trên cơ sở nghiên cứu hệ thống đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của các nước đối với sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh nước ngoài và ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Du lịch đề nghị các Sở chấp nhận chứng chỉ một số ngoại ngữ trong quá trình thẩm định hồ sơ, cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho công dân, cụ thể như sau:

1. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL 500 điểm, IELTS 5.5 điểm, TOEIC 650 điểm trở lên, chứng chỉ đạt trình độ ngoại ngữ du lịch tại kỳ kiểm tra do Tổng cục Du lịch tổ chức hoặc ủy quyền cho cơ sở đào tạo đủ năng lực tổ chức.
2. Chứng chỉ công nhận năng lực sử dụng ngôn ngữ đạt trình độ tương đương trình độ B2 trở lên qui đổi theo khung trình độ chung Châu Âu cho các thứ tiếng Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Nga và Hàn Quốc (Bảng qui đổi kèm theo công văn này).
3. Chứng chỉ công nhận năng lực sử dụng tiếng Nhật cấp độ 2 trở lên theo hệ thống đánh giá JLPT (hệ thống gồm 4 cấp đánh giá cao dần từ cấp độ 4 lên cấp độ 1).
4. Chứng chỉ công nhận năng lực sử dụng tiếng Trung (tiếng Hán) cấp độ 6 trở lên theo hệ thống đánh giá HSK (hệ thống gồm 11 cấp đánh giá cao dần từ cấp độ 1 đến cấp độ 11).
5. Chứng chỉ công nhận năng lực sử dụng các ngôn ngữ khác nếu trên chứng chỉ ghi rõ trình độ qui đổi tương đương trình độ B2 trở lên theo khung trình độ Châu Âu.
6. Các loại chứng chỉ công nhận năng lực sử dụng ngôn ngữ không thuộc qui định tại các mục 1, 2, 3 và 4 của công văn này không có giá trị để xét cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

Đề nghị các Sở sớm triển khai. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các Sở phản ánh về Tổng cục Du lịch để xem xét, điều chỉnh. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, LH (03), PLT(68).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Cường



Common European Framework of Reference for Languages (CEFR)

Quy đổi trình độ ngoại ngữ tương đương của một số ngôn ngữ theo Khung trình độ chung châu Âu

(Kèm theo công văn số: 493 / TCDL-LH ngày 30 tháng 5 năm 2011)

Scale	CEFR level	Goethe Institute (Đức)	CIEP / Alliance française diplomas (Pháp)	Diplomas de Español como Lengua Extranjera (DELE) (Tây Ban Nha)	L'Accademia Italiana di Lingua (AIL) (Italia)	한국어능력시험 (Korean Language Proficiency Test) (Hàn Quốc)	Типовой тест по русскому языку как иностранному (ТРКИ) (Tiếng Nga)
Proficient Speaker	C2	Zentrale Oberstufenprüfung, Kleines Deutsches Sprachdiplom (ZOP/KDS)	TCF C2 / DALF C2 / DHEF	Nivel Superior	DALC / CELI 5	6급	Русский язык - Четвертый уровень (ТРКИ - 4)
	C1	Goethe-Zertifikat C1/ Zentrale Mittelstufenprüfung (ZMP)	TCF C1 / DALF C1 / DSLCF		DALI / CELI 4	5급	Русский язык - Третий уровень (ТРКИ - 3)
Independent Speaker	B2	Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDFB)	TCF B2 / DELF B2 / Diplôme de Langue	Nivel Intermedio	DILI / CELI 3	4급	Русский язык - Второй уровень (ТРКИ - 2)
	B1	Zertifikat Deutsch (ZD)	TCF B1 / DELF B1 / CEFP 2	Nivel Inicial	DILI / DILC / CELI 2	3급	Русский язык - Первый уровень (ТРКИ - 1)
Basic Speaker	A2	Start Deutsch 2	TCF A2 / DELF A2 / CEFP 1		DELI / CELI 1	2급	Русский язык - Базовый уровень (ТБУ)
	A1	Start Deutsch 1	TCF A1 / DELF A1		CELI - IMPATTO (Italiano generale)	1급	Русский язык - Элементарный уровень (ТЭУ)



KHUNG TRÌNH ĐỘ CHUNG CHÂU ÂU: THANG ĐO TỔNG QUÁT

(Thang đo tổng quát: Common Reference Levels: global scale)

(Kèm theo công văn số: 493 / TCĐL-ƯH ngày 30 tháng 5 năm 2011)

Trình độ sử dụng thành thạo	C2	Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết những vấn đề được nghe hoặc được đọc. Có thể tóm tắt các thông tin từ các nguồn thông tin nói hoặc viết khác nhau, sắp xếp lại thông tin trong một bài trình bày mạch lạc. Có thể diễn đạt một cách lưu loát, tức thời, trôi chảy và chính xác, phân biệt rõ các sắc thái ý nghĩa tinh tế trong các tình huống phức tạp.
	C1	Có thể hiểu những văn bản dài, phức tạp và nhận biết được hàm ý của các văn bản. Có thể tự diễn đạt một cách lưu loát và tức thời mà không phải khó khăn tìm từ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội và học thuật chuyên môn. Có thể tạo ra được những văn bản chi tiết có cấu trúc rõ ràng về những chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng tốt bố cục văn bản, từ ngữ nói câu và các công cụ liên kết từ ngữ.
Trình độ sử dụng độc lập	B2	Có thể hiểu nội dung chính của văn bản phức tạp về một chủ đề cụ thể hoặc trừu tượng, gồm cả những thảo luận trong lĩnh vực chuyên môn. Có thể giao tiếp thoải mái ở mức độ lưu loát và tức thời với người bản ngữ. Có thể diễn đạt các ý tưởng về các chủ đề một cách chi tiết, rõ ràng. Có thể trình bày một vấn đề và đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của các giải pháp được đưa ra.
	B1	Có thể hiểu những ý chính của một diễn ngôn chuẩn mực (standard input) và nếu nội dung câu chuyện liên quan đến các vấn đề quen thuộc như công việc, trường học, giải trí, vv... Có thể tự đối phó được với hầu hết các tình huống ngôn ngữ phát sinh trong khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Có thể diễn đạt một cách đơn giản và logic về các chủ đề quen thuộc hoặc chủ đề cá nhân quan tâm. Có thể kể về những kinh nghiệm, các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão và giải thích ngắn gọn về kế hoạch, dự định đưa ra.
Trình độ sử dụng cơ bản	A2	Có thể hiểu những câu và thành ngữ thông thường liên quan trực tiếp đến bản thân và các lĩnh vực cần thiết như thông tin cơ bản về cá nhân, mua sắm, gia đình, địa điểm, việc làm). Có thể giao tiếp trong những công việc đơn giản, thường nhật đòi hỏi trực tiếp trao đổi thông tin về những vấn đề quen thuộc thường ngày. Có thể mô tả bằng những thuật ngữ đơn giản về các mặt liên qua đến cá nhân, môi trường và các vấn đề trong lĩnh vực có nhu cầu thiết yếu.
	A1	Có thể hiểu và sử dụng những diễn đạt và những cụm từ cơ bản quen thuộc thường ngày đáp ứng nhu cầu giao tiếp thiết yếu nhất. Có thể giới thiệu bản thân và hỏi người khác về có thể hỏi và trả lời về các vấn đề cá nhân như nơi ở, bạn bè, đồ dùng xung quanh. Có thể giao tiếp một cách đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và có sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

Common Reference Levels (Global scale)

Proficient User	C2	Can understand with ease virtually everything heard or read. Can summarise information from different spoken and written sources, reconstructing arguments and accounts in a coherent presentation. Can express him/herself spontaneously, very fluently and precisely, differentiating finer shades of meaning even in more complex situations.
	C1	Can understand a wide range of demanding, longer texts, and recognise implicit meaning. Can express him/herself fluently and spontaneously without much obvious searching for expressions. Can use language flexibly and effectively for social, academic and professional purposes. Can produce clear, well-structured, detailed text on complex subjects, showing controlled use of organisational patterns, connectors and cohesive devices.
Independent User	B2	Can understand the main ideas of complex text on both concrete and abstract topics, including technical discussions in his/her field of specialisation. Can interact with a degree of fluency and spontaneity that makes regular interaction with native speakers quite possible without strain for either party. Can produce clear, detailed text on a wide range of subjects and explain a viewpoint on a topical issue giving the advantages and disadvantages of various options.
	B1	Can understand the main points of clear standard input on familiar matters regularly encountered in work, school, leisure, etc. Can deal with most situations likely to arise whilst travelling in an area where the language is spoken. Can produce simple connected text on topics, which are familiar, or of personal interest. Can describe experiences and events, dreams, hopes & ambitions and briefly give reasons and explanations for opinions and plans.
Basic User	A2	Can understand sentences and frequently used expressions related to areas of most immediate relevance (e.g. very basic personal and family information, shopping, local geography, employment). Can communicate in simple and routine tasks requiring a simple and direct exchange of information on familiar and routine matters. Can describe in simple terms aspects of his/her background, immediate environment and matters in areas of immediate need.
	A1	Can understand and use familiar everyday expressions and very basic phrases aimed at the satisfaction of needs of a concrete type. Can introduce him/herself and others and can ask and answer questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.